

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
LỚP MẪU GIÁO BÉ

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a, Phát triển vận động				
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thật sâu, thở ra từ từ - Tay: + 2 tay đưa ra phía trước- sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân	1->9	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Đi kiễng gót liên tục 3m	- Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt.	1,2,3,4,5,6,9	
3	- Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi hướng tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích đặt (3- 4 điểm đích đặt) không chệch ra ngoài. + Chạy được liên tục theo hướng thẳng 15m.			
4	- Biết phối hợp tay – mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không rơi	- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay, + Ném trúng đích bằng 1 tay	1,3,4,5,6,7,8	

	bóng (Khoảng cách 2,5m). + Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp Đường kính bóng 18 cm).	+ Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc.		
5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) + Bò trong đường hẹp không chệch ra ngoài.	- Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đích. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30m) + Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) + Bò trong đường hẹp không chệch ra ngoài. - Bật nhảy: + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20- 25 cm	1-> 9	
6	- Có thể thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau.	1,2,3,6,9	
7	- Biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, trong một số hoạt động. + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10cm. + Xếp chồng 8-10 khối không đổ. + Tự cài cởi cúc.	+ Xé, dán giấy + Sử dụng kéo, bút. + Tô vẽ nguệch ngoạc. + Cài, cởi cúc.		
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc của địa phương - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	1,2,3	
9	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày như: canh rau, trứng rán, cá kho.			

10	- Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)		
11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng. + Tháo tất, cởi quần áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1,2,3	
12	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	2,3	
13	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Nhận biết phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	2	
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. +Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.		1->9	
15	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3	
16	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, giếng, bể chứa nước, hồ vôi...) khi được nhắc nhở	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	4,8	
17	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn.		1,2,6	

	+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.			
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a, Khám phá khoa học				
18	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chú ý quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Trái đất nóng lên	5,6,7,8	
19	-Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	5,6,7,8	
20	- Trẻ được làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Làm thí nghiệm đơn giản:Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	6,8	
21	- Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	4	
22	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Một số dấu hiệu của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	1,3, 8	
23	Trẻ có thể phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật. - Tên đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	1,3,5,6	

24	- Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	1,8	
25	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Một số dấu hiệu của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	1,3, 8	
26	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh...) Hát các bài hát về cây, con vật... Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh...) - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	1- 9	
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
27	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều	1,4,6,7,9	
28	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.		1,4,6,7,9	
29	- Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		4->9	

30	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	1,4->9	
31	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
32	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.	6	
33	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước	4,8	
34	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	7,8	
35	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước, phía sau, tay phải tay trái của bản thân.	2	
c, Khám phá xã hội				
36	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2	
37	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.	3	
38	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình			
39	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
40	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	4	

41	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	1,3,4,6,9	
42	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.		9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
a, Nghe hiểu lời nói				
43	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: " Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	4	
44	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, rau quả...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi, phù hợp với địa phương	3,5,6,7	
45	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Hiểu các từ chỉ tên người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	8,9	
b, Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
46	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	1->9	
47	- Biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào	8	
48	Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.	1,3,8	
49	- Biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép		
50	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9	
51	.- Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	.- Kể lại sự việc	1->9	
52	- Biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn -	- Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	3,5,7	

53	Biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	4->9	
54	- Biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2	
c, Làm quen với việc đọc – viết				
55	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ xem sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn sách	5,6,7	
56	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	4	
57	- Trẻ thích viết vẽ nguệch ngoạc	- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo.	6,9	
4. Lĩnh vực PTTC-KNXH				
a, Thể hiện ý thức bản thân				
58	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	2	
59	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	2	
b, Thể hiện sự tự tin, tự lực				
60	- Biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	2,3,4	
61	- Biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	4	
c, Nhận biết và thể hiện và cảm xúc với con người, SVHTXQ				
62	- Trẻ biết nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2	

63	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động.	2	
64	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của địa phương	2,9	
65	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	2,9	
d, Hành vi và quy tắc ứng xử XH.				
66	- Trẻ thực hiện được một số quy định của lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yên mến bố, mẹ, anh, chị, em, ruột.	1,3,4,7	
67	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn).	1,2	
68	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Nhận biết hành vi “ đúng” – “ sai”, “ tốt” – “ xấu”. - Tiết kiệm điện, nước.	1,2	
68	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt.	1,2,3	
e, Quan tâm đến môi trường.				
70	- Trẻ thích quan sát thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	6,8	
71	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	2	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
72	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng cảnh đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt lễ hội của địa phương	4	
73	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện		2	
74	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm		3	

	nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.			
75	-Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1->9	
76	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, phách..)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1->9	
77	- Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1->9	
78	- Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	8	
79	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2,3,7,8	
80	- Trẻ có kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		3,5,6	
81	- Biết lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.			
82	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		2	
83	-Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	2,5,9	
84	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	4	
85	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	9	

BAN GIÁM HIỆU KÍ DUYỆT

Quàng Thị Hằng Thu